

Số: 355 /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục, sơ bộ Tổng mức đầu tư và Kế hoạch đầu tư các dự án hỗ trợ thiết lập hạ tầng viễn thông băng rộng giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2018 thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BTTTT ngày 30/3/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020;

Căn cứ Thông báo số 46/TB-BTTTT ngày 10/3/2017 về Kết luận của Bộ trưởng Trương Minh Tuấn tại cuộc họp Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích tại Phiếu trình số 31/PTr-BQLVTCI ngày 12/01/2017 về việc báo cáo kết quả công việc thống nhất Danh mục và sơ bộ Tổng mức đầu tư các dự án hỗ trợ thiết lập hạ tầng viễn thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục, sơ bộ Tổng mức đầu tư và Kế hoạch đầu tư các dự án hỗ trợ thiết lập hạ tầng viễn thông băng rộng giai đoạn từ năm 2016

đến năm 2018 thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Danh mục tổng các dự án: 13 dự án;
2. Địa bàn hỗ trợ: 36 tỉnh;
3. Thời gian bắt đầu triển khai các dự án: Từ năm 2017 đến hết năm 2018;
4. Sơ bộ Tổng mức đầu tư: 464.128.000.000 đồng.
5. Nguồn vốn: Kinh phí của Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020 theo Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích có trách nhiệm tổ chức các bước tiếp theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp, Giám đốc Ban Quản lý Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích, Giám đốc Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Hồng Hải;
- Cục VT;
- Lưu: VT, QLDN, VTH (15).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Phạm Hồng Hải

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 355/QĐ-BTTTT ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TT	Tên dự án	Địa bàn	Số xã			Quy mô			Tổng kinh phí (triệu đ)
			TĐ	CD	DD	TĐ (m)	CD (m)	DD (trạm)	
1	Thiết lập mạng truy nhập băng rộng cố định tại 14 xã tỉnh Hà Giang, hạ tầng viễn thông băng rộng tại 41 xã tỉnh Cao Bằng, mạng truy nhập băng rộng cố định tại 01 xã tỉnh Bắc Kạn, 28 xã tỉnh Lào Cai và 42 xã tại tỉnh Lạng Sơn - Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến 2020, giai đoạn 2016-2018.	Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Lạng Sơn	3	126	3	31.500	854.167	3	58.576
2	Thiết lập hệ thống truyền dẫn và mạng truy nhập băng rộng cố định tại 22 xã tỉnh Yên Bái - Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến 2020, giai đoạn 2016-2018	Yên Bái	4	19	0	33.000	236.000	0	51.338
3	Thiết lập mạng truy nhập băng rộng cố định tại 13 xã tỉnh Cao Bằng, 01 xã tỉnh Bắc Kạn, 14 xã tỉnh Tuyên Quang, 20 xã tỉnh Lai Châu, 16 xã tỉnh Hòa Bình, mạng truy nhập băng rộng cố định và di động tại 19 xã tỉnh Lào Cai, hạ tầng viễn thông băng rộng tại 21 xã tỉnh Điện Biên, 47 xã tỉnh Sơn La - Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến 2020, giai đoạn 2016-2018	Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình	2	149	9	22.000	1.071.100	9	77.107
4	Thiết lập mạng truy nhập băng rộng cố định tại 01 xã tỉnh Điện Biên, hạ tầng viễn thông băng rộng tại 47 xã tỉnh Sơn La - Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến 2020, giai đoạn 2016-2018	Điện Biên, Sơn La	4	47	7	98.000	309.500	7	55.220
5	Thiết lập mạng truy nhập băng rộng cố định tại 21 xã tỉnh Hòa Bình - Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến 2020, giai đoạn 2016-2018	Hòa Bình	0	21	0	0	186.700	0	28.175
6	Thiết lập mạng truy nhập băng rộng cố định tại 01 xã tỉnh Thái Bình - Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến 2020, giai đoạn 2016-2018	Thái Bình	0	1	0	0	14.000	0	885
7	Thiết lập mạng truy nhập băng rộng di động tại 01 xã tỉnh Phú Thọ, mạng truy nhập băng rộng cố định và di động tại 38 xã tỉnh Lạng Sơn, 12 xã tỉnh Thanh Hóa, mạng truy nhập băng rộng cố định tại 05 xã tỉnh Thái Bình, 02 xã tỉnh Hà Nam, 22 xã tỉnh Nghệ An - Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến 2020, giai đoạn 2016-2018	Phú Thọ, Lạng Sơn, Thái Bình, Hà Nam, Thanh Hóa, Nghệ An	0	76	5	0	421.297	5	35.983

8	Thiết lập mạng truy nhập băng rộng cố định tại 04 xã tỉnh Quảng Ninh, 02 xã tỉnh Hải Dương, 04 xã tỉnh Hưng Yên, 07 xã tỉnh Thái Bình, 01 xã tỉnh Ninh Bình và mạng truy nhập băng rộng di động tại 01 xã tỉnh Nam Định - Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến 2020, giai đoạn 2016-2018	Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình	0	18	1	0	268.000	1	23.836
9	Thiết lập mạng truy nhập băng rộng cố định và di động tại 14 xã tỉnh Thanh Hóa, hệ thống truyền dẫn và mạng truy nhập băng rộng cố định tại 19 xã tỉnh Nghệ An - Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến 2020, giai đoạn 2016-2018	Thanh Hóa, Nghệ An	2	31	3	56.000	314.000	3	39.815
10	Thiết lập hệ thống truyền dẫn và mạng truy nhập băng rộng cố định tại 03 xã tỉnh Quảng Bình, 08 xã tỉnh Thừa Thiên Huế, 28 xã tỉnh Quảng Nam, hệ thống truyền dẫn tại 01 xã tỉnh Quảng Ngãi - Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến 2020, giai đoạn 2016-2018	Quảng Bình, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi	12	38	0	184.000	215.000	0	35.236
11	Thiết lập hạ tầng viễn thông băng rộng tại 01 xã tỉnh Bình Định, mạng truy nhập băng rộng cố định tại 02 xã tỉnh Kom Tum, 05 xã tỉnh Đắk Lắk và 01 xã tỉnh Đắk Nông - Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến 2020, giai đoạn 2016-2018	Bình Định, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông	1	9	1	25.000	98.000	2	18.090
12	Thiết lập mạng truy nhập băng rộng cố định tại 03 xã tỉnh Phú Yên, 01 xã tỉnh Kiên Giang, 01 xã tỉnh Tiền Giang, 05 xã tỉnh Bình Phước, 07 xã tỉnh Long An, mạng truy nhập băng rộng cố định và di động tại 03 xã tỉnh Khánh Hòa - Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến 2020, giai đoạn 2016-2018	Phú Yên, Khánh Hòa, Tiền Giang, Kiên Giang, Long An, Bình Phước	0	18	2	0	247.785	5	18.005
13	Thiết lập hạ tầng viễn thông băng rộng tại 28 xã tỉnh Quảng Nam, 10 xã tỉnh Gia Lai, mạng truy nhập băng rộng cố định tại 01 xã tỉnh Thừa Thiên Huế, 02 xã tỉnh Phú Yên, 01 xã tỉnh Kon Tum, 01 xã tại Đắk Nông, 05 xã tại Bình Phước, 06 xã tại Long An, hệ thống truyền dẫn và mạng truy nhập băng rộng di động tại 02 xã tỉnh Bình Định - Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến 2020, giai đoạn 2016-2018	Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Nông, Lâm Đồng, Bình Phước, Long An	6	54	6	62.300	231.579	8	21.862
Tổng			34	607	34	511.300	4.477.228	43	464.128